TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 869/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 15/4/2025.
Về việc "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đời.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Gái;

Ông Võ Văn Lợi.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án dân sự sơ thẩm số: 683/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2925/2025/QĐXXST-DS ngày 08/4/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Tran Le H**, sinh năm 1969. Địa chỉ: D đường G, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, (xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Trần Thị Minh T**, sinh năm 1977. Địa chỉ: 5 Đường số E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung Đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Tran Le H trình bày: Về quan hệ hôn nhân, ông Tran Le H và bà Trần Thị Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 117, ngày 06/10/2023. Sau khoảng thời gian chung sống ngắn ngủi, cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải hòa, hai người bất đồng quan điểm sống, sau đó hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Ông Tran Le H xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Trần Thị Minh T.

Về con chung: Ông Tran Le H khai ông và bà T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tran Le H trình bày ông và bà T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đồng thời, ông Tran Le H có đơn yêu cầu không hòa giải đoàn tụ và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Theo nội dung bản tự khai, bị đơn bà Trần Thị Minh T trình bày*: Bà T xác nhận những lời trình bày của ông Tran Le H về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay ông Tran Le H yêu cầu ly hôn, bà T đồng ý ly hôn; bà và ông T1 Le Hieu không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Đồng thời, bà T cũng yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Xét thấy, nguyên đơn - ông Tran Le H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn - bà Trần Thị Minh T, do đó căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp "Ly hôn". Bị đơn có địa chỉ tại thành phố T nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét Bản tự khai, Đơn đề nghị không hòa giải đoàn tụ và xin vắng mặt của đương sự đã được thực hiện theo quy định nên đây được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Do nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của hai bên và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định, nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 117, đăng ký ngày 06/10/2023 tại Ủy ban nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải hòa, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có sự gắn kết. Do hai người hoàn toàn không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn là có cơ sở. Mặt khác, tại bản tự khai bị đơn cũng xác định không còn tình cảm và đồng ý ly hôn với nguyên đơn, cả hai đều yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ, điều đó thể hiện cả hai bên không có ý muốn đoàn tụ với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, hai bên không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho nguyên đơn ly hôn với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: Hai bên xác định không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Tran Le H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tran Le H ly hôn với bà Trần Thị Minh T.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Tran Le H và bà Trần Thị Minh T (theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 117, đăng ký ngày 06/10/2023 tại Ủy ban nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh) chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông T1 Le Hieu phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông Tran Le H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0073713 ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Tran Le H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Ông Tran Le H, bà Trần Thị Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**
		(Đã ký)
Võ Thị Gái	**Võ Văn Lợi**	**Danh Đời**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- UBND Quận 6, TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án, (Đ-Kim Anh), 12.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Đời